

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Duy H, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Tổ dân phố TC, thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Bùi Thị H1, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố TC, thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2022.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Duy H và chị Bùi Thị H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Duy H và chị Bùi Thị H1 thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Trần Duy H và chị Bùi Thị H1 xác định có 02 con chung là Trần Duy Thịnh, sinh ngày 30/9/2004 và Trần Duy Mạnh, sinh ngày 24/02/2012. Khi ly anh H và chị H1 thống nhất thỏa thuận, cháu Trần Duy Thịnh đã trưởng thành anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Duy Mạnh, sinh

ngày 24/02/2012 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con: Hàng tháng anh Trần Duy H có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nH không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Về tài sản chung các khoản vay, nợ chung: Anh Trần Duy H và chị Bùi Thị H1 tự thỏa thuận phân chia. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Duy H tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004650 ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hoá;
- UBND thị trấn TC, huyện Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Hồng Khánh**